

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Bà Nguyễn Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị A, sinh năm 1983; nơi cư trú: 261 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh E, sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT: Đài Loan; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:

Chị Phạm Thị A và Anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2017 và có làm lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau khi kết hôn, sau đó anh chị đã tham gia phỏng vấn tại Văn phòng Văn hóa Kinh tế Đài Bắc nhưng không được chấp nhận. Sau đó, anh chị tiếp tục làm đơn xin tham gia phỏng vấn lại nhưng Văn phòng Văn hóa Kinh tế Đài Bắc từ chối nên chị Hằng không sang Đài Loan đoàn tụ với Anh E được. Do khoảng cách địa lý chị A và Anh E cũng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại nên tình cảm dần phai nhạt,

không có thời gian quan tâm chăm sóc nhau, bất đồng về ngôn ngữ, lối sống, tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng từ đó phát sinh và ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị A nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, đời sống vợ chồng không có, bản thân chị và Anh E cũng không còn thời gian và kinh tế để tiếp tục tham gia phòng vẫn nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với Anh E.

- Về con chung: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn Anh E gửi về cho Tòa án (đã có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền tại Đài Loan):

Anh E thông nhất trình bày về điều kiện kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung, tài sản chung như chị Phạm Thị A và cũng đề nghị Tòa án thành phố Hải Phòng giải quyết theo yêu cầu của chị A.

Hiện nay, Anh E ở nước ngoài, không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được, anh đồng ý việc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đồng thời xét xử vắng mặt anh. Anh E cam kết chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án và không kháng cáo bản án. Đồng thời ủy quyền cho chị Phạm Thị A nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Phạm Thị A có đơn đề nghị Tòa án Hải Phòng giải quyết ly hôn với Anh E. Chị A có địa chỉ cư trú ở Hải Phòng, Anh E hiện đang cư trú tại nước ngoài. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Phạm Thị A và Anh E đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và Anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 9 năm 2017. Theo Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và tính cách. Anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị A và Anh E hiện mỗi người một nơi, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị A.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị A là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị A và Anh E được ly hôn.
2. Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0000947 ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Phạm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Anh E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận D, TP Hải Phòng
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vinh Vũ Thị Minh Nguyệt

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà